

**Bản án số: 76/2017/HSST
Ngày 07- 11 - 2017**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚC YÊN- TỈNH VĨNH PHÚC**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đường Ngọc Đại và bà Doãn Thị Vệ.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Hiệp, cán bộ Tòa án nhân dân thị xã Phúc Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phúc Yên tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Phượng – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2017 tại Nhà văn hóa tổ 1, phường Hùng Vương, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 71/2017/HSST ngày 11 tháng 10 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Tiến D, sinh 25/9/1990; Trú tại: Thôn X, xã C, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc; Trình độ văn hoá: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con bà Nguyễn Thị N, bố không biết; Vợ, con: không; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/7/2017, đến nay có mặt.

2. Nguyễn Thị Tuyết T, sinh 25/7/1979; Trú tại: Khu x, thị trấn S, huyện C, tỉnh Phú Thọ; Trình độ văn hoá: 5/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Thanh N và con bà Lê Thị T (đã chết); có chồng: Nguyễn Văn V (đã ly hôn); Con: Không; Tiền án, Tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/7/2017, đến nay có mặt

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Dương Hồng O, sinh năm 1999 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã N, thị xã P, Vĩnh Phúc.

NHẬN THẤY:

Các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phúc Yên truy tố về hành vi phạm tội như sau: Nguyễn Tiến D và Nguyễn Thị Tuyết T có quan hệ nam nữ và đều là đối tượng nghiện ma túy. Khoảng 17h ngày 10/7/2017, D đi xe buýt lên khu vực xã V, huyện Y để gặp T. Tại đây D nói với T “có tiền không để mua ma túy về chơi” T nói “có” và đưa cho D 800.000đ. Sau đó D và T đi xe ta xi không

xác định được biển kiểm soát và tên người lái xe đến khu vực Bến xe V thuộc phường K, thành phố V, tại đây D đi tìm gặp và mua của một phụ nữ không quen biết 01 gói ma túy đá giá 800.000đ. Sau đó D và T đi xe Taixi đến nhà nghỉ Q- thuộc phường X1, thị xã P thuê phòng 503 để nghỉ và sử dụng ma túy. Tại phòng 503, D đem bộ đồ sử dụng ma túy là 01 chiếc coóng bằng thủy tinh và 01 bật lửa ga ra, rồi lấy một phần nhỏ ma túy vừa mua được D và T cùng nhau sử dụng ma túy.

Khoảng 22h cùng ngày, Dương Hồng O là bạn của D gọi điện thoại cho D hỏi mua ma túy, D đồng ý bán ma túy, hai bên hẹn nhau mua bán ma túy ở trước cửa nhà nghỉ Q. Sau đó D nói với T “bán lại cho thằng em 600.000đ”, ý D là bảo T bán cho O 600.000đ tiền ma túy đá, T đồng ý và nói “ừ”. T bảo D san số ma túy còn lại ra làm hai phần, một phần cầm đi bán cho O, một phần còn lại để sử dụng nếu có người mua thì bán kiếm lời. Sau đó D cầm 01 gói ma túy mang ra trước cửa nhà nghỉ Q bán cho O với giá 600.000đ thì bị Công an bắt quả tang cùng tang vật.

Vật chứng thu giữ:

Thu giữ trong lòng bàn tay trái của Dương Hồng O: 01 túi ni lon màu trắng bên trong có chứa các tinh thể dạng đá màu trắng được niêm phong ký hiệu là A1(O khai nhận là ma túy đá vừa mua của D); 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen đã cũ của O.

Thu tại túi quần bên phải phía sau của D số tiền 600.000đ (D khai là tiền vừa bán ma túy cho O mà có) và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAM SUNG màu vàng trắng đã cũ; D khai đây là điện thoại O liên lạc để bán ma túy. Thu giữ tại phòng 503 nhà nghỉ Q: 01 túi ni lon màu trắng bên trong có chứa các tinh thể dạng đá màu trắng được niêm phong ký hiệu là A2. D và T khai đó là gói ma túy còn lại để sử dụng và ai mua thì bán, 01 chiếc coóng bằng thủy tinh và 01 bật lửa ga là dụng cụ hai bị cáo sử dụng ma túy.

Tại kết luận giám định số: 725/KLGD ngày 14/7/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận:

1. “Tinh thể dạng đá màu trắng của mẫu ký hiệu A1 gửi đến giám định có trọng lượng 0,0930g không kể bao bì có Methamphetamine. Methamphetamine là chất ma túy nằm trong danh mục II, STT 67, Nghị định số 82 ngày 19/7/2013 của Chính Phủ. Trọng lượng Methamphetamine trong 0,0930g mẫu là 0,0667g”.

2. “Tinh thể dạng đá màu trắng của mẫu ký hiệu A2 gửi đến giám định có trọng lượng 0,0322gam không kể bao bì có Methamphetamine. Methamphetamine là chất ma túy nằm trong danh mục II, STT 67, Nghị định số 82 ngày 19/7/2013 của Chính Phủ. Trọng lượng Methamphetamine trong lượng 0,0322g mẫu là 0,0226g”. Hoàn lại mẫu vật còn sau giám định A1 và A2=0

Đối với người phụ nữ bán ma túy cho D ở khu vực bến xe V, không xác minh được nhân thân, lai lịch người này, Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm

rõ.Đối với Dương Hồng O có hành vi mua ma túy để sử dụng, cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Đối với Nguyễn Thị Hoàng Y là chủ nhà nghỉ Q, có hành vi thiếu trách nhiệm trong công tác quản lý cơ sở kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự, cơ quan điều tra đã có văn bản đề nghị Chủ tịch UBND thị xã P ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Tại cơ quan điều tra Nguyễn Tiến D và Nguyễn Thị Tuyết T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số: 76/KSĐT– MT ngày 10/10/2017, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phúc Yên đã truy tố bị cáo Nguyễn Tiến D và Nguyễn Thị Tuyết T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 của Bộ luật hình sự. Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo D, bị cáo T về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo D từ 02 năm 09 tháng đến 03 năm tù. Đối với Nguyễn Thị Tuyết T đề nghị áp dụng thêm khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo T từ 02 năm 09 tháng đến 03 năm tù. Ngoài ra Kiểm sát viên còn đề xuất về việc xử lý vật chứng của vụ án như Bản cáo trạng.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

XÉT THẤY:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau: Xét lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ như lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra; lời khai của đối tượng mua ma túy, những người làm chứng và phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, Kết luận giám định, tang vật thu giữ cùng các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án. Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 22h ngày 10/7/2017, tại Nhà nghỉ Q- thuộc địa phận tổ dân phố Y, phường X1, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc; Nguyễn Tiến D và Nguyễn Thị Tuyết T đã có hành vi bán trái phép cho Dương Hồng O 01 gói ma túy có trọng lượng 0,0930g; tàng trữ để bán và sử dụng 01 gói ma túy có trọng lượng 0,0322g thì bị Công an bắt giữ. Tổng trọng lượng ma túy D và T bán và tàng trữ để bán là: $0,0930g + 0,0322g = 0,1252g$.

Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phúc Yên đã truy tố các bị cáo về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” được quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật; cụ thể khoản 1 Điều 194 của Bộ luật hình sự quy định như sau:

“ Người nào... mua bán trái phép... chất ma túy, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm”.

Xét tính chất của vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây bất bình trong nhân dân và gây ảnh hưởng tình hình trị an địa phương. Do vậy cần phải đưa ra để xử lý nghiêm minh trước pháp luật nhằm giáo dục riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

Xét nhân thân bị cáo D và T thì thấy: Các bị cáo sinh ra và lớn lên trong gia đình lao động, bản thân các bị cáo đều chưa học hết phổ thông trung học, các bị cáo đều nghiện ma túy từ năm 2016. Trước khi phạm tội các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, trong quá trình điều tra xét xử đều thành khẩn khai báo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra bị cáo T có bố mẹ được Nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến, nên bị cáo được áp dụng thêm khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự. Nhưng cũng cần áp dụng hình phạt tù giam mới đủ giáo dục các bị cáo là người có ích cho xã hội.

Xét về trò của từng bị cáo thì thấy: Bị cáo D là trực tiếp liên lạc với người mua ma túy, sau D là người chia ma túy và trực tiếp cầm ma túy đi bán cho Dương Hồng O, bị cáo T với vai trò là đồng phạm giúp sức. Hơn nữa bị cáo T lại có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự hơn bị cáo D, nên Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo D nặng hơn bị cáo T là phù hợp.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo bán ma túy nhằm mục đích thu lợi bất chính. Nhưng qua xác minh và làm rõ tại phiên tòa các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập thường xuyên và sống phụ thuộc gia đình. Nên không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với các bị cáo là phù hợp.

Đối với người phụ nữ bán ma túy cho D ở khu vực bến xe V, không xác minh được nhân thân, lai lịch người này, Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau là phù hợp.

Đối với Dương Hồng O có hành vi mua ma túy để sử dụng, cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính là phù hợp.

Đối với chị Nguyễn Thị Hoàng Y là chủ nhà nghỉ Q, có hành vi thiếu trách nhiệm trong công tác quản lý cơ sở kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự, cơ quan điều tra đã có văn bản đề nghị Chủ tịch UBND thị xã P ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính là phù hợp.

* Về vật chứng của vụ án: Cần áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự và Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự để:

Tịch thu, tiêu hủy mẫu vật sau giám định hoàn lại cùng toàn bộ bao gói.

Tịch thu tiêu hủy bộ đồ sử dụng ma túy gồm: chiếc coóng bằng thủy tinh và 01 chiếc bật lửa ga.

Tịch thu xung quỹ nhà nước số tiền 600.000 đồng, là tiền bán ma túy mà có.

Tịch thu bán sung quỹ Nhà nước 02 chiếc điện thoại có đặc điểm như biên bản thu giữ.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tiến D và Nguyễn Thị Tuyết T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự; Xử phạt Nguyễn Tiến D 03 (Ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam là ngày 11 tháng 7 năm 2017.

Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự; Xử phạt Nguyễn Thị Tuyết T 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam là ngày 12 tháng 7 năm 2017.

Áp dụng điều 41 Bộ luật hình sự và Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu, tiêu hủy: mẫu vật sau giám định hoàn lại A1 = 0,00gam, A2 = 0,00gam cùng toàn bộ bao gói, 01 chiếc coóng bằng thủy tinh và 01 chiếc bật lửa ga.

Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng).

Tịch thu bán sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen đã cũ của O và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAM SUNG màu vàng trắng đã cũ của bị cáo D.

(Vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an thị xã Phúc Yên với Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phúc Yên lập ngày 25 tháng 10 năm 2017).

Áp dụng Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc bị cáo Nguyễn Tiến D và Nguyễn Thị Tuyết T mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết!.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát thị xã Phúc Yên;
- Thi hành án thị xã Phúc Yên;
- Sở tư pháp Vĩnh Phúc;
- CA TX.Phúc Yên;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP.

**T/M Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

Lưu Thị Thúy

